

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc.
2. Bà Trần Thị Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm St nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm St viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2019/HNGĐ-ST ngày 29/01/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị S T S - Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Bản C D N, xã H L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh C A C - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Bản C D N, xã H L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Vắng không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị S T S là bà Lê Thị Xuân là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 29/01/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn S T S trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh C A C sau khi tìm hiểu một thời gian anh chị muốn được xây dựng gia đình cùng với nhau, được sự nhất trí hai bên gia đình, anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 2008, cho đến ngày 02/11/2011 anh chị mới đến UBND xã H L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị chung sống với nhau tại bản C D N, xã H L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, cho đến khoảng năm 2016 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đưa đòi bạn bè

lao vào con đường nghiện chất ma túy. Từ ngày nghiện chất ma túy thường xuyên bỏ nhà đi chơi bởi đến 2 hoặc 3 ngày hôm sau mới về nhà, uống rượu say về nhà chửi bới vợ con, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của chị và của con rất khó khăn. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh C và không còn tình cảm vợ chồng với anh C. Để đảm bảo cho cuộc sống của chị và con, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C A C.

* Về con chung, riêng: Chị S có một con riêng là cháu C A C sinh ngày 04/01/2008; chị S và anh C có 02 con chung là cháu C A D sinh ngày 04/8/2011 và cháu C T T sinh ngày 18/12/2014. Sau khi ly hôn về con riêng của chị S chị sẽ tự chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu C đủ tuổi trưởng thành. Đối con chung là các cháu C A D và C T T sau khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu D, T cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Cháu C A C và cháu C A D đều có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với mẹ.

* Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn S T S là bà Lê Thị Xuân trình bày quan điểm: Cuộc hôn nhân giữa Chị S T S và anh C A C là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên C sở tự nguyện. Nhưng do anh C đua đòi, chơi bởi lao vào con đường nghiện chất ma túy, từ đó giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của chị S và các con rất khó khăn là do anh C không cùng chị S lao động sản xuất nuôi dạy con cái cùng với chị. Vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, và để đảm bảo cuộc sống sau này cho chị S. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S T S. Cho chị S T S được ly hôn với anh C A C.

* Về con chung: Xét nguyện vọng của chị S sau khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu C, D và T cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, xét nguyện vọng của các cháu C A C sinh ngày 04/01/2008; cháu C A D sinh ngày 04/8/2011 sau khi bố mẹ ly hôn có nguyện vọng ở với mẹ, đối với C T T sinh ngày 18/12/2014 còn nhỏ nên chưa biết nói lên được nguyện vọng. Tuy nhiên xét hoàn cảnh của anh C hiện tại là đối tượng nghiện chất ma túy thường xuyên bỏ nhà đi chơi. Do đó đề nghị áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 giao các cháu C, D và T cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị S.

* Về tài sản chung, riêng và công nợ của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị S T S.

* Đại diện Viện kiểm St phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51 khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S T S. Cho chị S T S được ly hôn với anh C A C.

Về con chung: Xét nguyện vọng của chị S T S, xét nguyện vọng của các cháu C A C và cháu C A D. Xét hoàn cảnh của anh C A C. Cần giao các cháu cháu C A C sinh ngày 04/01/2008; cháu C A D sinh ngày 04/8/2011 và cháu C T T sinh ngày 18/12/2014 cho chị S T S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, anh C A C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị S theo quy định tại các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh C A C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị S T S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh C nhưng không tổng đạt trực tiếp được, Tòa án đã tiến hành niêm yết. Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nay anh C A C vắng mặt tại phiên tòa, chị S T S có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C A C theo quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

[2] *Xét quan hệ hôn nhân:* Cuộc hôn nhân giữa chị S T S và anh C A C là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên C sở tự nguyện. Sau khi về chung sống rồi đăng ký kết hôn với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C chơi bời đua

đòi lao vào con đường nghiện chất ma túy, hàng ngày không chịu khó lao động sản xuất chỉ chơi bời uống rượu rồi về nhà đui đánh vợ con, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng, đã xảy ra nhiều bất hòa không thể tháo gỡ được. Hội đồng xét xử xét thấy điều đó đã thể hiện tình cảm giữa chị S và anh C không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S có đơn xin ly hôn với anh C. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xử cho chị S được ly hôn với anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị S có một con riêng là cháu C A C sinh ngày 04/01/2008 sau khi ly hôn chị sẽ có trách nhiệm chăm sóc nuôi D giáo dục cháu. Về con chung anh chị có 02 con chung là cháu C A D sinh ngày 04/8/2011 và cháu C T T sinh ngày 18/12/2014. Sau khi ly hôn chị S có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu D và T cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Xét nguyện vọng của các cháu C A C và cháu C A D. Xét hoàn cảnh của anh C A C. Do đó áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Cần giao các cháu C A C sinh ngày 04/01/2008; cháu C A D sinh ngày 04/8/2011 và cháu C T T sinh ngày 18/12/2014 cho chị S T S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành anh C A C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị S.

Anh C A C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và công nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị S T S là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị S.

[6] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm St tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án và lời trình bày quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S T S.

1. Về hôn nhân: Chị S T S được ly hôn với anh C A C.

2. Về con chung: Giao các cháu C A C sinh ngày 04/01/2008; cháu C A D sinh ngày 04/8/2011 và cháu C T T sinh ngày 18/12/2014 cho chị S T S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu, cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh C A C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C A C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản và công nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị S T S.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị S T S, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2019). Anh C A C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã H L;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh